

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 6 - 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 28 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Lê Tự Hiếu | Chủ tịch |
| Ông Hoàng Xuân Quốc | Thành viên |
| Ông Lương Ngọc Anh | Thành viên |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn | Thành viên |
| Ông Lê Ngọc Sơn | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|---|
| Ông Hoàng Xuân Quốc | Giám đốc |
| Ông Ngô Đức Nhân | Phó Giám đốc |
| Ông Trần Quang Thiên | Phó Giám đốc |
| Ông Trần Quang Mẫn | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Hải | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2013) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc
Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Số: 248/VNIA-IC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 02 năm 2014 từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến chính sách ghi nhận doanh thu bán điện của Công ty. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu bán điện dựa theo sản lượng điện giao nhận thực tế và đơn giá tạm tính theo hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty mua bán điện EPTC - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các khoản chênh lệch phát sinh sau khi Công ty và Công ty mua bán điện EPTC thống nhất giá bán điện chính thức sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành.



Ngo Thị Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 17 tháng 02 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 1.983.307.076.501 | 2.079.395.454.660 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 57.246.674.887 | 51.718.618.432 |
| 1. Tiền | 111 | | 57.246.674.887 | 51.718.618.432 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 246.461.181.788 | 494.830.189.800 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 6 | 246.461.181.788 | 494.830.189.800 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.449.723.105.340 | 1.336.929.972.359 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 35.652.402 | - |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 14.986.171.786 | 10.927.197.129 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 7 | 1.458.642.323.488 | 1.335.786.084.080 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 7 | (23.941.042.336) | (9.783.308.850) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 221.314.057.916 | 184.895.064.642 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 8 | 221.314.057.916 | 184.895.064.642 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 8.562.056.570 | 11.021.609.427 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 8.392.414.891 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 10.641.679 | 10.855.109.427 |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 159.000.000 | 166.500.000 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260) | 200 | | 10.202.871.800.805 | 11.406.653.801.460 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 38.782.753.000 | 38.782.753.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 218 | 9 | 38.782.753.000 | 38.782.753.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 9.137.428.065.305 | 10.119.388.803.399 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 9.114.093.121.509 | 10.071.352.606.612 |
| - Nguyên giá | 222 | | 11.293.643.448.661 | 11.269.710.246.911 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.179.550.327.152) | (1.198.357.640.299) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 21.602.554.546 | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 21.602.554.546 | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 12 | 1.732.389.250 | 48.036.196.787 |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 13 | - | - |
| 1. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 11.140.000.000 | 11.140.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | (11.140.000.000) | (11.140.000.000) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.026.660.982.500 | 1.248.482.245.061 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 1.026.660.982.500 | 1.248.482.245.061 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 12.186.178.877.306 | 13.486.049.256.120 |

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 9.398.503.220.590 | 10.703.598.842.617 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.082.537.306.225 | 2.530.331.354.922 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 15 | 1.137.995.154.732 | 1.167.641.326.901 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 27.037.408.723 | 355.272.478.546 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 16 | 13.180.462.995 | 1.720.928.217 |
| 4. Phải trả người lao động | 315 | | 14.586.349.906 | 12.675.270.379 |
| 5. Chi phí phải trả | 316 | 17 | 717.130.892.794 | 835.737.424.549 |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 18 | 169.146.428.184 | 154.341.612.241 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 3.460.608.891 | 2.942.314.089 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 7.315.965.914.365 | 8.173.267.487.695 |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 334 | 19 | 7.311.318.981.172 | 8.168.620.554.502 |
| 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | 4.646.933.193 | 4.646.933.193 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410) | 400 | | 2.787.675.656.716 | 2.782.450.413.503 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 2.787.675.656.716 | 2.782.450.413.503 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 2.560.000.000.000 | 2.560.000.000.000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 169.237.381.136 | 163.455.502.290 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 20.439.881.905 | 20.055.769.998 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 37.998.393.675 | 38.939.141.215 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 12.186.178.877.306 | 13.486.049.256.120 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

| 1. Ngoại tệ các loại | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|----------------------|------------|------------|
| USD | 427,81 | 3.210,85 |
| EUR | 39,75 | 205,31 |



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc
Ngày 17 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | 2013 | 2012 |
| 1. Doanh thu về bán hàng | 01 | | 5.880.997.656.440 | 5.450.714.689.686 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01) | 10 | 22 | 5.880.997.656.440 | 5.450.714.689.686 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | | 5.074.176.004.874 | 4.820.085.413.450 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11) | 20 | | 806.821.651.566 | 630.629.276.236 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 52.969.684.875 | 95.425.393.285 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 786.579.282.601 | 658.369.931.812 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 266.407.208.913 | 353.639.672.404 |
| 7. Chi phí bán hàng | 24 | | 306.283.406 | 241.095.175 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 65.816.831.398 | 53.947.734.909 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | 7.088.939.036 | 13.495.907.625 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 1.336.333.839 | 28.340.388.711 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 206.055.971 | 34.154.058.196 |
| 12. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32) | 40 | | 1.130.277.868 | (5.813.669.485) |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 8.219.216.904 | 7.682.238.140 |
| 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 26 | - | - |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 8.219.216.904 | 7.682.238.140 |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 27 | 32 | 30 |



Lê Văn Tú
 Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc
 Ngày 17 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2013 | Năm 2012 |
|---|--------------|----------------------------|----------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 8.219.216.904 | 7.682.238.140 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 982.366.934.534 | 977.683.863.077 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 14.157.733.486 | 20.923.308.850 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | 280.693.405.522 | 56.423.252.789 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (52.961.657.839) | (87.169.525.846) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 266.407.208.913 | 353.639.672.404 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 1.498.882.841.520 | 1.329.182.809.414 |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | (119.046.003.813) | (87.532.081.235) |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | (26.239.043.433) | (867.972.849) |
| Thay đổi các khoản phải trả | 11 | (394.015.186.300) | 121.572.823.790 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | 213.175.045.217 | 231.483.700.061 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (268.632.635.809) | (360.022.456.131) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | - | (2.211.473.680) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (2.471.200.000) | (3.298.261.341) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 901.653.817.382 | 1.228.307.088.029 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (11.346.620.732) | (73.482.217.227) |
| 2. Tiền chi cho vay | 23 | - | (57.028.374.616) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay | 24 | 248.369.008.012 | - |
| 4. Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | 55.908.762.933 | 86.021.839.939 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 292.931.150.213 | (44.488.751.904) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 286.467.044.714 | - |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (1.475.524.131.735) | (1.160.810.359.397) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (1.189.057.087.021) | (1.160.810.359.397) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | 5.527.880.574 | 23.007.976.728 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 51.718.618.432 | 28.710.621.943 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 175.881 | 19.761 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 57.246.674.887 | 51.718.618.432 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 351.181.686 đồng (năm 2012: 1.355.761.669 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 647.180.309 đồng (năm 2012: 3.594.285.403 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 16.402.014.332 đồng (năm 2012: 18.240.826.111 đồng) là số tiền lãi phải trả chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12 tháng 9 năm 2012.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 172 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 165 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết, bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



